

CHÍNH PHỦ
Số: 50/2008/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ TẠI
CỬA KHẨU CẢNG BIỂN

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định hoạt động của người, tàu, thuyền Việt Nam, nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và chuyển cảng; thủ tục, kiểm tra, giám sát biên phòng và các hoạt động khác liên quan đến an ninh, trật tự; trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp hoạt động quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển.

2. Cảng quân sự phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này; trường hợp phục vụ mục đích thương mại thì áp dụng theo những quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan đối với cảng thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức, tàu, thuyền và các phương tiện khác của Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại cửa khẩu cảng biển phải chấp hành các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan; trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

2. Tàu, thuyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ và tàu quân sự nước ngoài vào thăm nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến cửa khẩu cảng biển và cảng quân sự thực hiện theo quy định khác của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Tàu, thuyền của Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam đang làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại cửa khẩu cảng biển theo quy định riêng.

Điều 3. Cửa khẩu cảng biển

Cửa khẩu cảng biển là cảng biển được mở ra cho người, tàu, thuyền Việt Nam, nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Khu vực cửa khẩu cảng biển

1. Khu vực cửa khẩu cảng biển bao gồm vùng đất cảng và vùng nước cảng.

a) Vùng đất cảng là vùng đất được giới hạn để xây dựng cầu cảng, kho, bãi, nhà xưởng, trụ sở, cơ sở dịch vụ, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước, các công trình phụ trợ khác và lắp đặt trang thiết bị.

b) Vùng nước cảng là vùng nước được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác.

c) Phạm vi cụ thể của vùng đất cảng, vùng nước cảng trong khu vực cửa khẩu cảng biển thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành được bố trí lực lượng, lắp đặt các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tại khu vực cửa khẩu cảng biển để đảm bảo yêu

cầu nghiệp vụ, nhưng không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp cảng.

Điều 5. Trách nhiệm bảo vệ an ninh, trật tự trong khu vực cửa khẩu cảng biển

Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, chủ trì, phối hợp với lực lượng Công an nhân dân, các ngành hữu quan, chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự trong khu vực cửa khẩu cảng biển theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC, KIỂM TRA, GIÁM SÁT BIÊN PHÒNG

Mục 1. THỦ TỤC BIÊN PHÒNG

Điều 6. Thời hạn thực hiện thủ tục biên phòng

1. Tàu, thuyền Việt Nam và nước ngoài phải làm thủ tục nhập cảnh tại cảng biển đầu tiên, khi từ nước ngoài vào Việt Nam và làm thủ tục xuất cảnh tại cảng biển cuối cùng, khi từ Việt Nam ra nước ngoài.
2. Chậm nhất 02 giờ, kể từ khi tàu đã vào neo đậu an toàn tại vị trí theo chỉ định của Giám đốc Cảng vụ hàng hải, chủ tàu, người quản lý tàu, người khai thác tàu hoặc người được uỷ quyền (sau đây gọi chung là người làm thủ tục) phải làm thủ tục biên phòng cho tàu nhập cảnh.
3. Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu rời cảng, người làm thủ tục phải làm thủ tục biên phòng cho tàu xuất cảnh. Riêng tàu khách và tàu chuyên tuyến, chậm nhất là ngay trước thời điểm tàu chuẩn bị rời cảng.
4. Chậm nhất 01 giờ, kể từ khi tiếp nhận đầy đủ các loại giấy tờ hợp lệ, Biên phòng cửa khẩu cảng phải hoàn thành thủ tục biên phòng.
5. Thời điểm xác định hoàn thành thủ tục biên phòng là thời điểm Biên phòng cửa khẩu cảng đã xác nhận hoàn thành thủ tục.

Điều 7. Địa điểm làm thủ tục biên phòng

1. Tại trụ sở chính hoặc Văn phòng đại diện của Cảng vụ hàng hải. Đối với cửa khẩu cảng biển đã thiết lập mạng khai báo điện tử thì thủ tục biên phòng được thực hiện tại trụ sở Biên phòng cửa khẩu cảng.

2. Tại tàu trong các trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

Điều 8. Thủ tục biên phòng đối với tàu, thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và chuyển cảng

Khi làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và chuyển cảng, ngoài các giấy tờ phải nộp và xuất trình theo quy định tại điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 27; điểm c khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 32 Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải, người làm thủ tục phải nộp cho Biên phòng cửa khẩu cảng các giấy tờ sau:

1. Bản khai hàng hoá nguy hiểm, vũ khí, vật liệu nổ (nếu có).
2. Bản khai người trốn trên tàu (nếu có).

Điều 9. Quy định đối với tàu, thuyền quá cảnh

1. Trên đường quá cảnh, thuyền trưởng phải chịu trách nhiệm quản lý thuyền viên, hành khách và hàng hoá trên tàu, giữ nguyên trạng thái niêm phong và hồ sơ biên phòng.
2. Hành khách quá cảnh theo tàu, thuyền đến cửa khẩu cảng biển, nếu chỉ ở trên tàu, thuyền hoặc khu vực dành riêng cho khách quá cảnh thì được miễn thị thực. Trường hợp hành khách xin phép vào nội địa hoặc xuất cảnh qua cửa khẩu khác phải có thị thực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trừ những trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên).

Điều 10. Quy định đối với tàu, thuyền chuyển cảng

1. Trên đường chuyển cảng, thuyền trưởng phải chịu trách nhiệm quản lý thuyền viên, hành khách và hàng hoá trên tàu, giữ nguyên trạng thái niêm phong và hồ sơ chuyển cảng của Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu rời cảng trước đó.
2. Tại cảng nơi đến, thuyền trưởng phải nộp cho Biên phòng cửa khẩu cảng hồ sơ chuyển cảng của Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu rời cảng trước đó.

Điều 11. Trách nhiệm của Biên phòng cửa khẩu cảng đối với tàu, thuyền chuyển cảng

1. Trách nhiệm của Biên phòng cửa khẩu cảng nơi đi:

- a) Làm thủ tục cho tàu, thuyền chuyển cảng, lập và niêm phong hồ sơ giao thuyền trưởng chuyển cho Biên phòng cửa khẩu cảng đến;
- b) Thông báo cho Biên phòng cửa khẩu cảng đến về tình hình chấp hành pháp luật của thuyền viên, tàu, thuyền chuyển cảng.

2. Trách nhiệm của Biên phòng cửa khẩu cảng nơi đến:

- a) Tiếp nhận hồ sơ chuyển cảng và thông báo ngay cho Biên phòng cửa khẩu cảng đi biết đã tiếp nhận nguyên vẹn hồ sơ biên phòng, niêm phong biên phòng;
- b) Thông báo cho Biên phòng cửa khẩu cảng đi về tình hình chấp hành pháp luật của thuyền viên, tàu, thuyền chuyển cảng.

Mục 2. KIỂM TRA, GIÁM SÁT BIÊN PHÒNG

Điều 12. Đối tượng kiểm tra, giám sát biên phòng

- 1. Tàu, thuyền Việt Nam và tàu, thuyền nước ngoài xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng.
- 2. Tàu, thuyền Việt Nam hoạt động trên tuyến nội địa trong phạm vi khu vực cửa khẩu cảng biển.
- 3. Các phương tiện khác của Việt Nam và nước ngoài ra, vào, hoạt động và neo đậu trong khu vực cửa khẩu cảng biển.
- 4. Người Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại cửa khẩu cảng biển.

Điều 13. Biện pháp kiểm tra, giám sát biên phòng

Để quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển, Bộ đội Biên phòng được áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát sau:

- 1. Kiểm tra, kiểm soát giấy tờ đối với người, tàu, thuyền và các phương tiện khác ra, vào, hoạt động trong khu vực cửa khẩu cảng biển (trừ tàu, thuyền và cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu cảng biển đang thực hiện nhiệm vụ).
- 2. Giám sát khu vực, tuần tra kiểm soát cơ động.